

Bản án số: 01 /2022/HSST
Ngày: 11-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lương Thị Cúc

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Dương

2. Ông: Nguyễn Văn Tòng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Viết Chiến – Thư ký
TAND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại Hội trường xét xử TAND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 184/2021/HSST ngày 28/12/2021. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2021/QĐXXST- HS, ngày 29/12/2021 đối với bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN L – Sinh năm: 1987; Nơi sinh và nơi ở hiện nay: TDP Tân H, phường Hải B, thị xã Nghi S, Thanh H; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Quốc H – Sinh năm 1960 và con bà Nguyễn Thị Th – Sinh năm 1964; Vợ: Lưu Thị G – Sinh năm 1993, có 01 con SN 2014; Tiền án: Không tiền sự: Ngày 01/10/2021, bị Công an phường Hải Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; Nhân thân: Ngày 22/4/2009, bị TAND huyện Tĩnh Gia nay là TAND TX. Nghi Sơn xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 16/12/2013, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

+ Ngày 21/12/2021, bị Công an thị xã Nghi Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/11/2021 cho nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại : Nguyễn Hữu Th – SN 1993- Vắng mặt

Địa chỉ: TDP Sơn Tr, phường Trúc L, thị xã Nghi S, Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Mãi L – SN 1967 và chị Lê Thị Ch – SN 1965- Vắng mặt

Đều có Địa chỉ: Thôn Khoa Tr, xã Tùng L, TX. Nghi S, Thanh H.

+ Anh Nguyễn Văn Th – SN 1987 – Vắng mặt

Địa chỉ: TDP Tân H, phường Hải B, thị xã Nghi S, Thanh H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h00' ngày 10/10/2021, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô BKS36U1 – 2048 đi dọc QL1A theo hướng Bắc – Nam nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến TDP Sơn Trà, phường Trú L, thị xã Nghi Sơn nhìn thấy gia đình anh Nguyễn Hữu Thành đóng cửa, trước sân nhà có nhiều khung sắt bằng kim loại nên nảy sinh ý định trộm cắp. L dựng xe mô tô ở ngoài đường rồi đi bộ vào sân bốc 02 khung sắt bằng kim loại màu xám, loại khung sắt sàn rạp đám cưới, mỗi khung dài 2,7cm vác ra ngoài đường, dùng xe mô tô chở 02 khung sắt trên đến cửa hàng thu mua phế liệu của gia đình anh Lê Mãi L ở thôn Khoa Trường, xã Túng L, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh H bán cho anh Lương được 150.000đ.

Sau khi bán được 02 khung sắt, L tiếp tục quay lại để lấy tiếp 02 khung sắt có đặc điểm như 02 khung sắt L đã trộm trước đó. Lúc vác ra ngoài đường thì bị anh Thành phát hiện, bắt giữ giao cho Công an phường Trú L xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi xác minh về nhân thân của Nguyễn Văn L, Công an phường Trú L đã chuyển hồ sơ cho CQĐT Công an thị xã Nghi Sơn để điều tra theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản số 133/KLĐGTS ngày 20/10/2021 của Hội đồng định giá UBND thị xã Nghi Sơn kết luận: 04 khung sắt bằng kim loại cùng hình dáng, màu sắc và kích thước như nhau, khung màu xám, loại khung sắt sàn rạp đám cưới, mỗi khung dài 2,5mm, rộng 0,34m, được kết nối bằng các ống tuýt sắt tròn có đường kính 2,7cm, đã qua sử dụng có tổng trọng lượng 32,8kg có giá trị 32,8kg x 9.000đ = 295.200đ

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng mà VKS ND thị xã Nghi Sơn truy tố bị cáo.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKSNS - HS ngày 28/12/2021 của VKSND thị xã Nghi Sơn đã truy tố Nguyễn Văn L về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Tại phiên tòa Đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS và đề nghị mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù.

Về vật chứng: Trả lại cho anh Lê Mãi L và chị Lê Thị Ch số tiền 150.000đ.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Nghi Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Căn cứ vào lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản và lời khai của bị cáo có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa đã thừa nhận: Khoảng 13h00' ngày 10/10/2021, Nguyễn Văn L đã có hành vi trộm cắp 04 khung sắt bằng kim loại màu xám, loại khung sắt làm rạp đám cưới, mỗi khung dài 2,5m rộng 0,34m, được kết nối với nhau bằng các ống tuýt sắt tròn, có đường kính 2,7cm. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 295.200đ. Tuy giá trị tài sản bị cáo trộm cắp dưới hai triệu đồng nhưng ngày 01/10/2021, bị cáo bị Công an phường Hải B, thị xã Nghi S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, lại tiếp tục phạm tội lần này nên đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của BLHS đây chính là tình tiết định tội cho bị cáo, do đó đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 BLHS.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tang vật cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ, phù hợp với lời kết luận của đại diện VKS. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của BLHS.

[3]. Xét tính chất vụ án:

Tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và tài sản hợp pháp của con người đều được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ khả năng để nhận thức được điều này mà vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, có chủ định từ ban đầu, tuy tài sản trộm cắp không lớn nhưng thể hiện bản chất con người của bị cáo, không chịu lao động mà muốn có tiền tiêu xài bằng sức lao động của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự an ninh nông thôn, gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân vì vậy cần phải lên cho bị cáo một hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện.

[4]. Xét về nhân thân và trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hai lần nên phải chịu một tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản trộm cắp đã trả lại cho bị hại, giá trị tài sản không lớn nên khi lượng hình bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Với tính chất mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người không có việc làm, thu nhập ổn định nên nghĩ chưa cần thiết áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS làm hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5]. Xét về phần dân sự: Tài sản đã trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6]. Xét về vật chứng gồm: Xe mô tô BKS 36U1 – 2048, là tài sản của anh Nguyễn Văn Th, anh Th không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. CQĐT Công an thị xã Nghi Sơn đã trả lại cho anh Thịnh là đúng nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền 150.000đ bị cáo tự nguyện nộp lại cho CQĐT. Đây là tiền bị cáo bán hai khung sắt cho anh Lê Mãi L và chị Ch. Chị Ch và anh L không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp nên không phải chịu trách nhiệm hình sự nên cần trả lại số tiền 150.000đ cho anh L và chị Ch.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ vào:** Điều a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS.

- **Tuyên bố:** Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- **Xử phạt:** Nguyễn Văn L 12 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày 11/11/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- **Án phí :** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1 mục I bản danh mục án phí, lệ phí tòa án.

- Bị cáo phải chịu 200.000^d tiền án phí HSST.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS. Trả lại cho anh Lê Mãi L và chị Lê Thị Ch 150.000đ được đựng trong phong bì dán kín niêm phong theo phiếu nhập kho ngày 15/12/2021 và biên bản giao nhận tài sản số 38/2021/BBBG-KBNS ngày 15/02/2021 đều của Kho bạc nhà nước Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331 và 333 BL TTHS. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật THA dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật THA dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CQĐT CA TX Nghi Sơn;
- Nhà tạm giữ CA TX Nghi

Sơn

- THADS thị xã Nghi Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Cúc

